TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST Ngày 31-3-2020 V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thanh Quý.

2. Ông Nguyễn Văn Nông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1195/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hồ Văn H, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 116/1 (số cũ 21/16) hẻm tổ A, đường L, khu phố T, phường D, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Lê Thị Ngọc S, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 116/1 (số cũ 21/16) hẻm tổ A, đường L, khu phố T, phường D, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 10 năm 2019 và quá trình tố tụng nguyên đơn anh Hồ Văn H trình bày:

- *Về hôn nhân:* Anh và chị Lê Thị Ngọc S có thời gian tìm hiểu nhau khoảng ba năm thì tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 92/KH, quyển số 01/1999 vào ngày 18/9/1999. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị S có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau. Chị S đã dọn ra ngoài sinh sống đến thời điểm anh nộp đơn khởi kiện là 7 tháng và vợ chồng anh sống ly thân từ khi chị S dọn ra ngoài ở đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với chị S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Hồ Bảo U, sinh ngày 12/8/2000 và Hồ Hiếu Th, sinh ngày 18/02/2012. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Hồ Hiếu Th, sinh ngày 18/02/2012 và không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Hồ Bảo U, sinh ngày 12/8/2000 đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn chị Lê Thị Ngọc S*: Chị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để cung cấp bản tự khai, tài liệu chứng cứ, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 22/01, 14/02/2020, tham gia phiên tòa vào các ngày 13/3 và 31/3/2020 nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ hay yêu cầu triệu tập thêm người tham gia tố tụng.

- *Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn* giữa anh H và chị S do Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tiến hành ngày 24/12/2019, Hội Liên hiệp phụ nữ phường cung cấp thông tin như sau: Hội liên hiệp phụ nữ phường không nhận được đơn đề nghị hòa giải hôn nhân giữa anh Hồ Văn H và chị Lê Thị Ngọc S, đồng thời Hội cũng không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa hai anh chị, do đó không biết rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật liên quan. Bị đơn đã được triệu tập nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu ly hôn và nuôi con của nguyên đơn là có cơ sở theo quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Hồ Văn H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, chị Lê Thị Ngọc S đã được tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 13/3/2020 và 31/3/2020 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh H, chị S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hồ Văn H và chị Lê Thị Ngọc S là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 92/KH, quyển số 01/1999 vào ngày 18/9/1999 tại Ủy ban nhân dân phường A, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng pH chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Tuy nhiên, theo lời trình bày của anh H trong quá trình tố tụng cho thấy nguyên nhân mâu thuẫn bắt nguồn từ việc chị S không chung thủy trong tình cảm vợ chồng nên vợ chồng hay cãi nhau, chị S không quan tâm chăm sóc gia đình mà bỏ ra ngoài sống anh H nhiều lần khuyên về nhưng chị S không về đoàn tụ.

[4] Quá trình tố tụng Tòa án đã triệu tập chị S lên để hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị S bỏ mặc không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ, hàn gắn quan hệ hôn nhân gia đình. Đến khi anh H nộp đơn ly hôn vợ chồng anh, chị đã có thời gian ly thân khoảng bảy tháng, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau và không cùng nhau chăm sóc con cái, điều này chứng tỏ mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn vì vậy yêu cầu xin ly hôn của anh H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Vợ chồng anh H, chị S có 02 con chung, một con chung tên Hồ Bảo Uyên, sinh ngày 12/8/2000 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, đối với con chung tên Hồ Hiếu Th, sinh ngày 18/02/2012 anh H có nguyện vọng nuôi cháu Th sau khi ly hôn và không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con. Xét, việc giao con cho ai chăm sóc cũng đều phải đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho con chung, quá trình Tòa án tiến hành tố tụng chị S không có ý kiến gì về việc nuôi con chung, thời gian anh H, chị S sống ly thân anh H cũng là người trực tiếp chăm sóc cháu Th. Vì vậy, nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung Hồ Tiến Th sau khi vợ chồng ly hôn của anh H là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Th. Ghi nhận sự tự nguyện của anh H về việc không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Từ những phân tích trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hồ Văn H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hồ Văn H được ly hôn với chị Lê Thị Ngọc S (theo giấy chứng nhận kết hôn số 92/KH, quyển số 01/1999 do Ủy ban nhân dân phường A, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/9/1999).

2. Về con chung:

2.1. Chị Lê Thị Ngọc S giao con chung tên Hồ Hiếu Th, sinh ngày 18/02/2012 cho anh Hồ Văn H trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với con chung tên Hồ Bảo U, sinh ngày 12/8/2000 đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Hồ Văn H không yêu cầu chị Lê Thị Ngọc S cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh H phải tạo điều kiện cho chị S trong việc thăm nom, chăm sóc con, không ai có quyền ngăn cản chị S thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hồ Văn H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0039827 ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- VKSND thị xã Dĩ An (1);
- CC THADS thị xã Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- UBND Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA